TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2018/DS-PT
Ngày: 08 - 8 - 2018
"V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thiện Kế.

Các Thẩm phán: 1/- Ông Huỳnh Đức Khải.

2/- Ông Nguyễn Văn Dũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Thanh Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng***: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018, về việc: *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST, ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Ngô S, sinh năm 1950. Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh S. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô S: Bà Ngô Thị Mỹ P. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh S. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bạch Sỹ C, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh H: Ông Hồ Hữu P. Địa chỉ: Số * đường L, khóm x, phường y, thành phố S, tỉnh S. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Huỳnh Văn S (Huỳnh S). (vắng mặt)

2. Ông Huỳnh Văn X. (vắng mặt)

3. Bà Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N). (có mặt)

4. Ông Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T). (có mặt)

5. Ông Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1). (có mặt)

6. Ông Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1). (có mặt)

7. Bà Phương Thị K. (vắng mặt)

8. Bà Hồ Kim H2. (vắng mặt)

9. Bà Tăng Thị Hoa S1. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S.

10. Ngân hàng N.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh L – Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N chi nhánh T, tỉnh S. Địa chỉ: Số * đường T, ấp *, thị trấn P, huyện T, tỉnh S. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lý Bình L1. (vắng mặt)

2. Ông Hứa Mạch C. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S.

3. Bà Nguyễn Kim D. Địa chỉ: Số * đường N, phường x, thành phố V, tỉnh B. (có mặt)

4. Bà Nguyễn Kim H3. Địa chỉ: Số * đường N, phường x, thành phố V, tỉnh B. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Huỳnh H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

1/- Nguyên đơn Ngô S trình bày:

Cha, mẹ của nguyên đơn là ông Trần N mất năm 1962 và bà Giang Thị C1 mất vào năm 2016, ông N và bà C1 có 02 người con là Ngô S và Trần Thị B (bà B mất vào khoảng năm 2000). Ông N và bà C1 có tạo lập khối tài sản là 12,5 công đất ruộng thuộc thửa 632, tờ bản đồ số 5 và phần đất thổ cư ngang khoảng 9 m, dài khoảng 35 m trên phần đất có 03 căn nhà trước và 03 căn nhà sau thuộc thửa 296, tờ bản đồ số 5, cả hai phần đất đều tọa lạc Ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Phần đất ruộng bà C1 đã chia cho các con của bà B mỗi người 1,5 công, còn lại 02 công trước khi qua đời bà C1 có nói là để lại 02 công đất này cho nguyên đơn, hiện nay Huỳnh H cùng vợ con đang quản lý sử dụng 02 công đất ruộng và đất thổ cư cùng 03 căn nhà trước và 03 căn nhà sau.

Đến năm 2017 nguyên đơn có nhu cầu sử dụng thì lúc này Huỳnh H không trả nhà và đất cho nguyên đơn và Huỳnh H cho rằng bà C1 có di chúc để lại tài sản trên cho Huỳnh H.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia đôi phần đất thổ cư cùng 03 căn nhà trước và 03 căn nhà sau thuộc thửa 296, tờ bản đồ số 05, và yêu cầu được hưởng

02 công đất ruộng thuộc thửa 632 do bà C1 chết để lại.

2/- Bị đơn Huỳnh H trình bày:

Bà Giang Thị C1 là bà ngoại của bị đơn, bà C1 mất vào năm 2016, còn ông ngoại là Trần N mất vào năm 1962, cha mẹ bị đơn là ông Huỳnh Văn Y chết năm 1998, mẹ là Trần Thị B chết năm 1999, bị đơn sống chung với bà C1 từ nhỏ cho đến khi bà C1 chết. Trước đây bà C1 có 12 công đất ruộng đã chia cho các người cháu, còn lại 02 công bà C1 sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà C1 đứng tên hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C1 đang thế chấp tại Ngân hàng N Chi nhánh T, 02 công đất còn lại của bà C1 hiện nay bị đơn đang quản lý sử dụng. Ngoài ra bà C1 có phần đất thổ cư chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngang 9 m đài 35 m trên đất có 01 căn nhà 3 gian được xây dựng trước năm 1975 (nhà cột cây, mặt trước xây tường, lộp tôn xi măng, nền đất, vách hai bên của người khác) hiện nay đã hư hỏng không còn giá trị sử dụng. Vào ngày 10/6/2003 bà C1 có lập di chúc để lại nhà và đất thổ cư cho bị đơn và Huỳnh Văn X, còn phần 02 công ruộng lúc còn sống bà C1 có để lại cho bị đơn để thờ cúng ông bà nên bị đơn không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

3/- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phương Thị K trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của bị đơn Huỳnh H không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

4/- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn X trình bày:

Bà Giang Thị C1 là bà ngoại của người liên quan, bà C1 mất vào năm 2016, còn ông ngoại là Trần N mất vào năm 1962, cha, mẹ của người liên quan là ông Huỳnh Văn Y chết năm 1998, mẹ là Trần Thị B chết năm 1999. Trước đây bà C1 có 12 công đất ruộng đã chia cho các người cháu, còn lại 02 công bà C1 sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà C1 đứng tên, 02 công đất còn lại của bà C1 hiện nay bị đơn Huỳnh H đang quản lý sử dụng. Ngoài ra bà C1 có phần đất thổ cư chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngang 9 m đài 35 m trên đất có 01 căn nhà 3 gian được xây dựng trước năm 1975. Vào ngày 10/6/2003 bà C1 có lập di chúc để lại nhà và đất thổ cư cho bị đơn và người liên quan, còn phần 02 công ruộng lúc còn sống bà C1 có để lại cho người nào thờ cúng ông bà nên người liên quan không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu được nhận phần di sản của bà C1 để lại nếu được chia.

4/- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Kim H2 và Tăng Thị Hoa S1 trình bày:

Các người liên quan có phần đất thuộc thửa 631 diện tích 1.563 m^2 do Hồ Kim H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giáp với thửa 632 do bà C1 đứng tên quyền sử dụng đất để thuận tiện trong sản xuất hai bên đã thỏa thuận đổi đất với nhau việc đổi đất cách nay hơn 10 năm, khi đổi đất không có làm giấy tờ. Hiện nay các người liên quan đang sử dụng một phần của thửa 632 do bà C1 đứng tên có diện tích là 1.559,5 m^2 còn thửa 631 của bà Huê do gia đình bà C1 sử dụng. Nay yêu cầu được tiếp tục sử dụng ổn định phần đất đã đổi.

Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn S; Huỳnh Thị Mỹ N; Huỳnh Văn T; Huỳnh Văn H1; Huỳnh Văn T1 và Ngân hàng N Chi

nhánh T, tỉnh S: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo số 229/TB-TLVA ngày 27/7/2017 và Thông báo đưa người tham gia tố tụng số 229a ngày 24/8/2017 về việc đưa người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn S; Huỳnh Thị Mỹ N; Huỳnh Văn T; Huỳnh Văn H1; Huỳnh Văn T1 và Ngân hàng N Chi nhánh T, tỉnh S không có văn bản ghi ý kiến gởi cho Tòa án.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018, đã quyết định: Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a,c Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227;Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 623, 649,650,651,652,660 Bộ luật Dân sự, Điều 203 Luật đất đai, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Ngô S.

1. Chia thừa kế di sản của bà Giang Thị C1 và ông Trần N chết để lại như sau:

1.1. Đối với phần đất thổ cư:

+ Chia cho ông Ngô S 149,15 m^2 thuộc thửa 296, tờ bản đồ số 05 ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Có tứ cận như sau:

- Đông giáp Cống xóm phố có số đo là: 4,535 m

- Tây giáp bà Tăng Thị T có số đo là: 4,2 m

- Nam giáp bà Tăng Thị T có số đo là: 34,55 m

- Bắc giáp phần còn lại của thửa 296 có số đo là: 34,55 m

+ Chia cho các đồng thừa kế của bà Trần Thị B gồm có: Bị đơn Huỳnh H và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn X; Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1) 149,15 m^2 thuộc thửa 296, tờ bản đồ số 05 ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Mỗi người 01 kỷ phần là 21,307 m^2, tương đương giá trị là: 14.914.900 đồng. Có tứ cận như sau:

- Đông giáp Cống xóm phố có số đo là: 4,535 m

- Tây giáp bà Tăng Thị T có số đo là: 4,2 m

- Nam giáp phần còn lại của thửa 296 (phần chia cho ông Ngô S) có số đo là: 34,55 m

- Bắc giáp ông Tăng H4 có số đo là: 34,55 m. (có sơ đồ kèm theo)

Bị đơn Huỳnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phương Thị K tự tháo dở nhà khi giao đất cho ông Ngô S.

1.2. Đối với phần đất trồng lúa:

- Chia cho nguyên đơn Ngô S 01 kỷ phần là 1.179,9 m^2 và chia bằng giá trị là: 47.196.000 đồng. Do phần đất bị đơn Huỳnh H và vợ là Phương Thị K đang

quản lý sử dụng nên bị đơn Huỳnh H và Phương Thị K có trách nhiệm giao trả kỷ phần thừa kế cho nguyên đơn bằng giá trị là 47.196.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm chín mươi sáu ngàn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Bị đơn Huỳnh H và Phương Thị K được quyền sở hữu phần 1.179,9 m^2 đã chia giá trị cho ông Ngô S.

- Chia cho các đồng thừa kế của bà Trần Thị B gồm có: Bị đơn Huỳnh H và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn X; Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1) 1.179,9 m^2 thuộc thửa 362, tờ bản đồ số 05 ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Mỗi người 01 kỷ phần là 168,55 m^2 tương đương giá trị là 6.742.000 đồng.

Giao cho bị đơn Huỳnh H quản lý kỷ phần được chia của các đồng thừa kế của bà Trần Thị B là Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1), khi nào các đồng thừa kế có yêu cầu thì bị đơn Huỳnh H giao trả lại.

2. Bị đơn Huỳnh H và Phương Thị K có trách nhiệm giao trả cho Huỳnh Văn X 01 kỷ phần bằng giá trị là: 21.657.000 đồng (hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Bị đơn Huỳnh H và Phương Thị K được quyền sở hữu kỷ phần của Huỳnh Văn X là 21,307 m^2 đất thổ cư và 168,55 m^2 đất trồng lúa khi đã giao trả đủ giá trị Huỳnh Văn X.

3.Tạm ổn định phần đất đã đổi giữa các bên đương sự là Hồ Kim H2 cùng con là Tăng Thị Hoa S1 tiếp tục sử dụng diện tích 1.559,5 m^2 thửa 362 do bà Giang Thị C1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn Huỳnh H và Phương Thị K sử dụng diện tích 1.563 m^2 thửa 361do bà Hồ Kim H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục chuyển đổi theo đúng qui định của pháp luật.

4. Chi phí thẩm định, định giá: Bị đơn Huỳnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phương Thị K phải nộp 4.570.000 đồng, nguyên đơn Ngô S phải chịu 4.570.000 đồng, nguyên đơn đã nộp trước 9.140.000 đồng, nguyên đơn được nhận lại số tiền nộp thừa là 4.570.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Huỳnh H và có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phương Thị K phải chịu 1.083.000 đồng, Huỳnh Văn X phải chịu 1.083.000 đồng, nguyên đơn Ngô S phải chịu 7.580.000 đồng , nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước 2.757.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006013 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, nguyên đơn phải nộp tiếp 4.822.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 02/5/2018, bị đơn Huỳnh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô S.

* Ngày 17/5/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định kháng nghị số 08/KNPT-VKS-DS, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngô S không rút đơn khởi kiện; bị đơn Huỳnh H là người kháng cáo nhưng vắng mặt và không có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn; chấp nhận toàn bộ kháng nghị và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Huỳnh H và người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Hồ Hữu P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Mặc dù vào ngày 07/8/2018, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hồ Hữu P có nộp đơn yêu cầu hoãn phiên tòa phúc thẩm để xác minh bổ sung tài liệu, chứng cứ và triệu tập bổ sung người làm chứng nhưng tại phiên tòa ông không có mặt để Hội đồng xét xử xem xét làm rõ yêu cầu của ông. Do việc vắng mặt của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa hôm nay không vì lý do khách quan hoặc vì sự kiện bất khả kháng, nên coi như bị đơn từ bỏ việc kháng cáo. Đồng thời, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phương Thị K, Huỳnh Văn S, Huỳnh Văn X, Hồ Kim H2, Tăng Thị Hoa S1, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N là ông Trần Thanh L cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét

xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn Huỳnh H và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[II] Về nội dung:

[1] Cụ Trần N (chết năm 1962) và cụ Giang Thị C1 (chết năm 2016) có với nhau 02 con chung là ông Ngô S và bà Trần Thị B. Bà B chết ngày 13/01/1999, có 07 người con gồm bị đơn Huỳnh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Huỳnh Văn X, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Mỹ N, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn H1 và Huỳnh Văn T1. Tài sản của cụ N và cụ C1 để lại gồm có 12,5 công đất ruộng thuộc thửa số 632 và căn nhà 3 gian gắn liền trên diện tích đất 298,3m^2 thuộc thửa số 296, cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Ngày 14/02/2015, cụ Giang Thị C1 đã phân chia đất ruộng cho các cháu Huỳnh H, Huỳnh Văn X, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Mỹ N, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn H1 và Huỳnh Văn T1 mỗi người 1,5 công (tầm 3m). Những người được cụ C1 tặng cho đất ruộng đã thực hiện thủ tục tách quyền sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, phần di sản của cụ N và cụ C1 để lại hiện nay đang có tranh chấp là 2 công đất ruộng (theo đo đạc thực tế là 2.359,8m^2) thuộc thửa số 632 và căn nhà 3 gian gắn liền trên diện tích đất 298,3m^2 thuộc thửa số 296, cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Sau khi cụ C1 chết thì số tài sản này ông Huỳnh H và bà Phương Thị K quản lý sử dụng cho đến nay.

[2] Theo nguyên đơn ông Ngô S cho rằng các cụ Trần N và Giang Thị C1 chết không để lại di chúc nên yêu cầu Tòa án chia đôi quyền sử dụng đất ở có diện tích 298,3m^2 thuộc thửa số 296 (không yêu cầu chia nhà do không còn giá trị sử dụng) và chia đôi quyền sử dụng đất ruộng diện tích 2.359,8m^2 thuộc thửa số 632 cho nguyên đơn 1 phần và các con của bà Trần Thị B 1 phần; nguyên đơn yêu cầu được nhận giá trị đối với phần đất ruộng. Phía bị đơn ông Huỳnh H không đồng ý và cho rằng cụ Giang Thị C1 có để lại di chúc bằng văn bản lập ngày 10/6/2003. Theo di chúc thể hiện bà C1 để lại di sản cho ông Huỳnh H và ông Huỳnh Văn X gồm 01 ngôi nhà ba căn, mái tôl (35m x 9m); đất trồng lúa thuộc thửa số 632 diện tích 17.577m^2 tọa lạc tại Ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S và một số vật dụng trong gia đình.

[3] Tuy nhiên, xét về hình thức di chúc ngày 10/6/2003 của cụ C1 là chưa phù hợp các quy định của pháp luật tại thời điểm xác lập. Cụ Giang Thị C1 khi lập di chúc thì tuổi đã cao, không biết chữ nên đã nhờ ông Hứa Mạch C viết hộ, nhưng người viết hộ không ký tên vào di chúc để làm chứng. Ủy ban nhân dân xã Lâm Kiết sau đó chỉ xác nhận vào di chúc để làm bằng mà không chứng thực việc cụ Giang Thị C1 đã trực tiếp ký tên vào di chúc trước mặt người chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực. Vì vậy, di chúc ngày 10/6/2003 về mặt hình thức là không đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 653, Điều 655 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

[4] Xét về nội dung, di chúc thể hiện cụ Giang Thị C1 để lại di sản cho ông Huỳnh H và ông Huỳnh Văn X gồm 01 ngôi nhà ba căn, mái tôl (35m x 9m); đất trồng lúa thuộc thửa số 632 diện tích 17.577m^2 tọa lạc tại Ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S và một số vật dụng trong gia đình. Tuy nhiên, toàn bộ khối tài sản này là tài sản chung do cụ Trần N và cụ Giang Thị C1 cùng tạo lập. Từ khi cụ N chết

vào năm 1962 đến năm 2003 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ N vẫn còn theo quy định tại Điều 36 của của Pháp lệnh thừa kế năm 1990; nhưng cụ C1 đã định đoạt toàn bộ số tài sản này trong di chúc ngày 10/6/2003 mà không có sự đồng ý của các đồng thừa kế khác là không đúng quy định của pháp luật.

[5] Do di chúc lập ngày 10/6/2003 vi phạm cả về nội dung lẫn hình thức nên không có hiệu lực theo quy định của pháp luật về thừa kế. Vì vậy, nguyên đơn Ngô S yêu cầu chia số di sản còn lại của cụ Giang Thị C1 và cụ Trần N theo pháp luật là có cơ sở. Số di sản còn lại của cụ C1 và cụ N gồm có 2 công đất ruộng (theo đo đạc thực tế là 2.359,8m^2) thuộc thửa số 632 và căn nhà 3 gian gắn liền trên diện tích đất 298,3m^2 thuộc thửa số 296, cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Hàng thừa kế thứ nhất của của cụ Giang Thị C1 và cụ Trần N hiện nay chỉ còn ông Ngô S, nhưng do bà Trần Thị B là con ruột, chết sau cụ N và chết trước cụ C1 nên các con của bà B được nhận kỷ phần thừa kế của bà B được hưởng nếu còn sống.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn X có yêu cầu được nhận di sản. Mặc dù các người con còn lại của bà Trần Thị B là Huỳnh Văn S; Huỳnh Thị Mỹ N; Huỳnh Văn T; Huỳnh Văn H1; Huỳnh Văn T1 không có ý kiến gì nhưng do đây là trường hợp thừa kế thế vị nên Hội đồng xét xử phải xem xét phân chia kỷ phần của bà B được hưởng cho 7 người thừa kế của bà B. Phần của những người thừa kế chưa có yêu cầu được nhận sẽ tạm giao cho ông Huỳnh H tiếp tục quản lý và phải giao trả lại khi họ có yêu cầu là phù hợp, không vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự quy định tại khoản 1, Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự theo như kháng nghị của Viện kiểm sát. Như vậy, di sản của cụ N và cụ C1 sẽ được chia làm 2 kỷ phần cụ thể như sau:

- Đối với căn nhà 3 gian gắn liền trên diện tích đất 298,3m^2:

+ Chia cho ông Ngô S 149,15 m^2 thuộc thửa 296, tờ bản đồ số 05 ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S.

+ Chia cho các đồng thừa kế của bà Trần Thị B gồm có: Bị đơn Huỳnh H và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn X; Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1) được nhận phần 149,15 m^2 thuộc thửa 296, tờ bản đồ số 05 ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Mỗi người 1/7 của kỷ phần là 21,307 m^2, tương đương giá trị là: 14.914.900 đồng;

- Đối với phần đất trồng lúa:

+ Chia cho nguyên đơn Ngô S 01 kỷ phần là 1.179,9 m^2 và chia bằng giá trị (1.179,9 x 40.000 đồng) là: 47.196.000 đồng.

+ Chia cho các đồng thừa kế của bà Trần Thị B gồm có: Bị đơn Huỳnh H và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn X; Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1) được nhận 1.179,9 m^2 thuộc thửa 362, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Mỗi người 1/7 kỷ phần là 168,55 m^2 tương đương giá trị là 6.742.000 đồng.

[7] Do kỷ phần của bà Trần Thị B được hưởng sau khi phân chia cho các con của bà B thì mỗi người được nhận 1/7 kỷ phần; đối với phần đất thổ cư tương đương 22,9m^2 và đất ruộng tương đương 168,55m^2 là rất nhỏ, không đảm bảo mục đích ở và sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, cần ổn định cho ông Huỳnh H tiếp tục sử dụng các phần đất được chia và phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho các người con còn lại của bà Trần Thị B khi họ có yêu cầu; riêng ông Huỳnh Văn X tại phiên tòa đã có yêu cầu được nhận di sản nên cần buộc ông Huỳnh H hoàn lại giá trị cho ông Huỳnh X 6.742.000 đồng + 14.914.900 đồng = 21.656.900 đồng. Đối với phần đất ruộng phân chia cho ông Ngô S nhận giá trị của 1.179,9 m^2 thì cũng cần tiếp tục giao cho ông Huỳnh H sử dụng phần đất này và ông H có nghĩa vụ trả giá trị cho ông Ngô S số tiền 47.196.000 đồng.

[8] Hiện nay phần đất ruộng 2.359,8 m^2 thuộc thửa 632 có 02 phần (một phần 800,3 m^2 và một phần 1.559,5 m^2) phần 1.559,5m^2 lúc còn sống cụ C1 đã đổi với thửa 631 có diện tích là 1.563 m^2 của Hồ Kim H2 cách nay hơn 10 năm. Việc đổi đất là các bên tự đổi với nhau cho thuận tiện trong sản xuất khi đổi không có làm giấy tờ. Hiện nay bà Hồ Kim H2 cùng con là Tăng Thị Hoa S1 đang sử dụng 1.559,5m^2 thửa 632; còn Huỳnh H và Phương Thị K đang sử dụng 1.563m^2 thửa 631 và phần 800,3 m^2 của thửa 632. Sau khi phân chia thừa kế như nêu trên thì phần đất ruộng 2.359,8 m^2 tiếp tục ổn định cho ông Huỳnh H sử dụng và các bên đều yêu cầu được giữ ổn định phần đất đã đổi để sử dụng cho thuận tiện trong sản xuất. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và nếu có tranh chấp phát sinh sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a, khoản 7, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: "Mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng". Cấp sơ thẩm buộc ông Huỳnh H và bà Phương Thị K chịu án phí 1.083.000 đồng; ông Huỳnh Văn X chịu án phí 1.083.000 đồng; ông Ngô S chịu 7.580.000 đồng là chưa đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[10] Về chi phí định giá tài sản là 9.140.000 đồng, mỗi bên đương sự phải chịu tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Cấp sơ thẩm buộc ông Huỳnh H và bà Phương Thị K phải chịu 4.570.000 đồng và nguyên đơn Ngô S phải chịu 4.570.000 đồng là không đúng. Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp.

[11] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Kiểm sát viên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn; chấp nhận kháng nhị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[13] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra các lập luận và đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn; chấp nhận kháng nhị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Mặc dù bản án sơ thẩm bị sửa nhưng do bị đơn từ bỏ việc kháng cáo và việc sửa án sơ thẩm không liên quan đến nội dung kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a, khoản 7, Điều 27 và khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn Huỳnh H; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2/- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 17/2018/DS-ST, ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô S.

[1] Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Giang Thị C1 và cụ Trần N chết để lại như sau:

* Đối với căn nhà 3 gian gắn liền trên diện tích đất 298,3m^2:

+ Chia cho ông Ngô S 149,15 m^2 thuộc thửa 296, tờ bản đồ số 05 ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Có tứ cận như sau:

- Đông giáp Cống xóm phố có số đo là: 4,535 m

- Tây giáp bà Tăng Thị T có số đo là: 4,2 m

- Nam giáp bà Tăng Thị T có số đo là: 34,55 m

- Bắc giáp phần còn lại của thửa 296 có số đo là: 34,55 m

+ Chia cho các đồng thừa kế của bà Trần Thị B gồm có: Bị đơn Huỳnh H và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn X; Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1) được nhận phần 149,15 m^2 thuộc thửa 296, tờ bản đồ số 05 ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S. Mỗi người 1/7 của kỷ phần là 21,307 m^2, tương đương giá trị là: 14.914.900 đồng. Có tứ cận như sau:

- Đông giáp Cống xóm phố có số đo là: 4,535 m

- Tây giáp bà Tăng Thị T có số đo là: 4,2 m

- Nam giáp phần còn lại của thửa 296 (phần chia cho ông Ngô S) có số đo là: 34,55 m

- Bắc giáp ông Tăng H4 có số đo là: 34,55 m.

(có sơ đồ kèm theo)

Giao cho bị đơn Huỳnh H toàn bộ kỷ phần của bà Trần Thị B được hưởng là 149,15 m^2 đất thổ cư nêu trên. Ông Huỳnh H có nghĩa vụ giao cho ông Huỳnh Văn X số tiền 14.914.900 đồng; và giao cho Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1) mỗi người 14.914.900 đồng khi họ có yêu cầu được nhận.

* Đối với phần đất trồng lúa:

+ Chia cho nguyên đơn Ngô S hưởng giá trị của 01 kỷ phần là 1.179,9 m^2 tương đương với số tiền 47.196.000 đồng. Do phần đất bị đơn Huỳnh H và vợ là Phương Thị K đang quản lý sử dụng nên bị đơn Huỳnh H và Phương Thị K có trách nhiệm giao trả kỷ phần thừa kế cho nguyên đơn bằng giá trị là 47.196.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm chín mười sáu ngàn đồng).

+ Chia cho các đồng thừa kế của bà Trần Thị B gồm có: Bị đơn Huỳnh H và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn X; Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1) được nhận 1.179,9 m^2 thuộc thửa 362, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp K1, xã L, huyện T, tỉnh S.

Giao cho bị đơn Huỳnh H toàn bộ kỷ phần của bà Trần Thị B được hưởng là 1.179,9 m^2 đất thổ cư nêu trên. Ông H có nghĩa vụ trả giá trị 6.742.000 đồng cho ông Huỳnh Văn X; và giao cho Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1) mỗi người 6.742.000 đồng nếu họ có yêu cầu được nhận.

[2] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Bị đơn Huỳnh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Văn X; Huỳnh Thị Mỹ N (Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1) phải chịu 4.570.000 đồng (mỗi người nộp 652.858 đồng); nguyên đơn Ngô S phải chịu 4.570.000 đồng. Do ông Sál đã nộp tạm ứng trước 9.140.000 đồng nên ông H, ông Sơn, ông Xã, bà Nhiên, ông Tuấn, ông Hoàng, ông Tòng phải có nghĩa vụ nộp đủ 4.570.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Sál.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Huỳnh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn S (Huỳnh S); Huỳnh Văn X; Huỳnh Thị Mỹ N

(Huỳnh Thị N); Huỳnh Văn T (Huỳnh Thanh T); Huỳnh Văn H1 (Huỳnh Thanh H1); Huỳnh Văn T1 (Huỳnh Thanh T1) phải chịu 7.580.050 đồng (mỗi người chịu 1.082.865 đồng), nguyên đơn Ngô S phải chịu 7.580.050 đồng nhưng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước 2.757.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006013 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị nên còn phải nộp thêm 4.822.550 đồng.

3/- Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4/- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009209 ngày 04/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Thiện Kế